

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 7 - 2019.
Về việc tranh chấp: Xin ly hôn.

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Đình Quốc;
2. Ông Đào Văn Rê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Nhuận – Kiểm sát viên.

Ngày 09/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 88/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “*Xin ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXX- ST ngày 04 tháng 6 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị K - Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn U, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên – *Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Anh T – Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn U, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên – *Vắng mặt.*

- *Người làm chứng:*

1. Bà L – sinh năm: 1966; Địa chỉ: Thôn U, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên;
2. Bà N – sinh năm: 1966; Địa chỉ: Khu phố A, phường P, TP. T, tỉnh Phú Yên.

(Cùng có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị K trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị K kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên vào năm 2013. Sau khi kết hôn, anh T, chị K sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn kéo dài và đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không được. Từ tháng 3 năm 2019, hai bên tự sống xa nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Nay, chị K nhận thấy tình cảm đã hết nên xin được ly hôn anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là M – sinh ngày 30/5/2012, hiện đang do anh T nuôi dưỡng. Chị K yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị K không yêu cầu gì khác.

* Bị đơn anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định.

+ Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K. Về con chung: Giao cho chị K nuôi dưỡng con chung, anh T không phải cấp dưỡng vì chị K không yêu cầu. Tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị K vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; bị đơn anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Áp dụng Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên vào ngày 05 tháng 02 năm 2013, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh T, chị K có mâu thuẫn do không hợp tính, thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn giữa chị K, anh T kéo dài, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ tháng 3 năm 2019 đến nay, chị K, anh T tự sống xa nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh T, chị K đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K: Chị K được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Xét thấy con chung M có nguyện vọng được sống cùng chị K. Do đó, để giúp cháu M phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, chấp nhận yêu cầu của chị K: Giao cháu M cho chị K nuôi dưỡng. Hiện, cháu M đang do anh T nuôi dưỡng nên anh T có trách nhiệm giao cháu M cho chị K nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét chị K là công nhân, có thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi con và chị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung: Đang sự không yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, 26, 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị K: Chị K được ly hôn anh T.

2. Con chung:

Giao cho chị K được nuôi dưỡng con chung tên là M – sinh ngày 30/5/2012. Cháu M đang do anh T nuôi dưỡng nên anh T có trách nhiệm giao cháu M cho chị K nuôi dưỡng.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị K đã nộp tại phiếu thu số 0013826 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, chị K đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND, T.H.A DS huyện Đông Hòa;
- UBND xã H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**Lê Thanh Huệ**